

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST

Ngày: 30/5/2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liệu

2. Bà Nguyễn Thị Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2016/TLST-DS ngày 27/12/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐST ngày 18 tháng 4 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST ngày 09 tháng 5 năm 2017 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 114/2017/TB-TA ngày 26/5/2017

giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển H.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường B, quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hữu Đ** chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà **Huỳnh Nguyễn Bảo H**, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 1534/QĐ-TGD ngày 10/6/2014).

Ông **Đỗ Hải M**, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đ (theo văn bản ủy quyền số 266/2016/UQ-HDB ngày 06/10/2016).

2. Bị đơn:

Ông **Nguyễn Thế Ph**, sinh năm: 1969.

Bà **Lê Thùy V**, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Anh M có mặt tại phiên tòa; ông Ph và bà V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2016, bản tự khai ngày 30/12/2016, Bản tường trình ngày 28/3/2017, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hải M trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0149/2014/HĐTDNH-CN ngày 17/6/2014 và Khế ước nhận nợ số 0146.01/2014/KUNN/CN ngày 19/6/2014 thì Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H đã cho ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V vay tiền cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).
- Thời hạn vay: Từ ngày 19/6/2014 đến ngày 19/6/2015.
- Lãi suất: 15%/năm (lãi suất được cố định trong thời hạn 3 tháng đầu tiên, lãi suất trong hạn được điều chỉnh 3 tháng/lần).
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mộc dân dụng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân Huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W141688 ngày 07/10/2002, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế Ph ngày 22/4/2009 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0135/2014/HĐTC ngày 17/6/2014, được công chứng tại Phòng công chứng số P, tỉnh Đồng Nai ngày 17/6/2014 và được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 17/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph và bà V đã thanh toán cho Ngân hàng H 16.421.231đ tiền lãi. Từ ngày 19/6/2015, Ngân hàng H đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn nêu trên.

Tính đến ngày 30/5/2017, ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V còn nợ Ngân hàng H các khoản tiền sau: Tiền gốc: 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), tiền lãi quá hạn là 43.682.650đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 153.682.650đ (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng H yêu cầu ông Ph và bà V trả số tiền nợ gốc và tiền lãi trên cho Ngân hàng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông Ph và bà V không thanh toán được khoản nợ trên thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thanh toán nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng H không có yêu cầu nào khác và không cung cấp thêm tài, liệu chứng cứ nào khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập nên không có lời trình bày:

- Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H: Ngân hàng cung cấp hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, các thông báo chậm trả nợ, biên lai trả tiền lãi... thể hiện ông Ph và bà V đã nhận tiền vay theo hợp đồng tín dụng, đã trả được một số tiền lãi, nên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng H.

Về tài sản đảm bảo thi hành án: Các đương sự thực hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ph và bà V trả cho Ngân hàng H 153.682.650đ (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng). Ông Ph và bà V phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết từ ngày 31/5/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đối với tài sản đã thế chấp: Các bên thực hiện việc thế chấp đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị xác định tài sản đã thế chấp là tài sản đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Ông Ph và bà V phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Ph và bà V.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và đơn khởi kiện của Ngân hàng H thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì xác định Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H là nguyên đơn, ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V là bị đơn trong vụ án.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và yêu cầu của nguyên đơn thì áp dụng các Điều 30, 68, 147, 184, 220, 227, 228 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 4, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Tất cả các chứng cứ đã được Tòa án thông báo, công bố tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và photo cho các đương sự theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa cũng đã công bố lại cho các đương sự biết. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về đường lối giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng H:

Đối với yêu cầu về tiền nợ gốc: Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu ông Ph và bà V trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với số nợ tiền gốc là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Ngân hàng H đã xuất trình đầy đủ chứng cứ như các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản, giấy báo trả nợ Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng H là có căn cứ, vì hợp đồng tín dụng hai bên ký kết đúng quy định, có hiệu lực pháp lực, các chứng cứ Ngân hàng H cung cấp là hợp lệ và thể hiện ông Ph và bà V đã nhận tiền vay theo hợp đồng và cũng đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, Ngân hàng H yêu cầu ông Ph và bà V trả số tiền nợ gốc 110.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu ông Ph và bà V trả tiền lãi do vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký với số tiền tính đến ngày 30/5/2017 là 43.682.650đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng). Ngân hàng H đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Thư mời làm việc do vi phạm hợp đồng, thông báo thu hồi nợ trước hạn, biên bản làm việc về việc chậm trả nợ, chứng từ trả tiền lãi,.... Xét các chứng cứ mà Ngân hàng H cung cấp thể hiện ông Ph và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên phải có trách nhiệm trả tiền lãi theo hợp đồng. Số tiền lãi mà Ngân hàng đã tính toán là chính xác. Do đó, Ngân hàng H yêu cầu ông Ph và bà V trả tiền lãi tính đến ngày 30/5/2017 là 43.682.650đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng) là có căn cứ.

Qua nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H, buộc ông Ph và bà V phải trả cho Ngân hàng H tổng số tiền là 153.682.650đ (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 30/5/2017 là 43.682.650đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân

hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H thì lãi suất mà ông Ph và bà V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H.

Xét yêu cầu Ngân hàng H về việc đưa tài sản đã thế chấp làm tài sản đảm bảo thi hành án: Ngân hàng H đã cung cấp hợp đồng thế chấp tài sản giữa ngân hàng với ông Ph và bà V, xét hợp đồng thế chấp tài sản đã được hai bên tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, nên yêu cầu này của Ngân hàng H là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng H, đưa tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên làm tài sản đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí:

Ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V phải chịu $153.682.485đ \times 5\% = 7.684.000đ$ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng H 3.522.000đ (Ba triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, 68, 147, 184, 220, 227, 228 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 4, 91, 95 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V.

Buộc ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H tổng số tiền là 153.682.650đ (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng). Trong đó, tiền gốc: 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), tiền lãi là 43.682.650đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H thì lãi suất mà ông Ph và bà V

phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H.

2. Tài sản đảm bảo thi hành án là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân Huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W141688 ngày 07/10/2002, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế Phương ngày 22/4/2009, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0135/2014/HĐTC ngày 17/6/2014, được công chứng tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Đồng Nai ngày 17/6/2014 và được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 17/6/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Đ.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V phải chịu 7.684.000đ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H 3.522.000đ (Ba triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001100 ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thế Ph và bà Lê Thùy V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phan Thanh Hà